

Bản án số: 122/2017/DS-PT

Ngày: 04 - 7 - 2017

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các thẩm phán:

Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Đồng Khởi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2016/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2016 về “*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 156A/2016/DS-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2017/QĐ-PT, ngày 05 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị A, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

- Lê Thị T, sinh năm: 1936

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lê Thị T: Ông Huỳnh Tây N, là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thy thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

- Đặng Văn Út N, sinh năm: 1984

- Đặng Văn U, sinh năm: 1976

- Đặng Thị P, sinh năm: 1967

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Đặng Thị Đ, sinh năm: 1958

- Đặng Thị C, sinh năm: 1961

- Đặng Văn M, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Đặng Thị N, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, thành phố C, tỉnh Hậu Giang.

- Đặng Thị H, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Ấp D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

(Nay là Khu vực D, phường G, thị xã C, tỉnh Hậu Giang)

- Đặng Thị M, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thành phố C, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng thương mại cổ phần S. Trụ sở chính: 266 – 268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Huy K - Chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc B - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Hậu Giang. Trụ sở: Số 31, đường 3/2, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Vào năm 2000, bà A có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T1 (chồng bà T) một phần đất diện tích chiều ngang 06m, chiều dài 07m, với giá chuyển nhượng 03 chỉ vàng 24k. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay. Do diện tích đất không đủ hạn mức tách thửa nên hai bên chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Vào năm 2011, ông T1 chết. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì bà A cất nhà ở trên toàn bộ phần đất này, cho đến đầu năm 2014 nhà bà A bị hư hỏng nên bà xây dựng lại nhà kiên cố để ở thì phía gia đình bà T là vợ ông T1 và các con ông T1 ngăn cản, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T và các con của ông T1 bao gồm ông Đặng Văn Út N, ông Đặng Văn U, bà Đặng Thị P, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị C, ông

Đặng Văn M, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và làm thủ tục sang tên cho bà A.

Bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà T không thống nhất lời trình bày của bà A. Vào năm 2000, gia đình bà thấy bà A có hoàn cảnh khó khăn không có chỗ ở, hơn nữa bà A là cháu ruột nên chồng bà T là ông T1 cho bà A mượn một phần đất để cất nhà ở tạm. Ông T1 có yêu cầu bà A trả lại giá trị các cây trồng trên đất là 03 chỉ vàng 24k. Khi cho mượn đất hai bên có làm giấy tờ gì hay không thì bà T không biết, nhưng có thỏa thuận khi nào gia đình bà T cần thiết sẽ lấy lại sử dụng hoặc bà A không tiếp tục ở phải trả lại đất cho gia đình bà T. Năm 2014, bà A tự ý cất nhà trên phần đất này, nhưng không thông qua ý kiến của gia đình bà T, nên bà T không đồng ý, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Nay bà A yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đối với phần đất trên thì bà T không đồng ý mà yêu cầu bà A tháo dỡ di dời nhà đi nơi khác trả lại phần đất này cho bà T và bà T sẽ trả lại 03 chỉ vàng 24k cho bà A.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M trình bày: Các bị đơn thống nhất với lời trình bày của mẹ là bà Lê Thị T, không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, có yêu cầu bà A tháo dỡ di dời nhà đi nơi khác trả lại phần đất này cho bà T và bà T sẽ trả lại 03 chỉ vàng 24k cho bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Hậu Giang là ông Trần Quốc B trình bày:

Vào tháng 10/2015, Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long đã sát nhập vào hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần S, toàn bộ hồ sơ vay của khách hàng tại Ngân hàng P đều được chuyển giao cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Vào năm 2005, ông T1 vay vốn tại Ngân hàng P theo Hợp đồng tín dụng số 365/5690 ngày 23/12/2005 với số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông T1 đã thế chấp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000214 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/5/1997 cho hộ ông Đặng Văn T1. Trong thời hạn vay ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy, vào năm 2010, Ngân hàng đã khởi kiện ông T1 đến Tòa án nhân dân huyện C để yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền còn nợ và đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 54/2010/QĐST-DS ngày 19/5/2010 và Ngân hàng thương mại cổ phần S đang yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành Quyết định của Tòa án. Việc tranh chấp đất giữa bà A và gia đình bà T phía Ngân hàng không có yêu cầu gì, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 156A/2016/DS-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị A đối với các bị đơn Lê Thị T, Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/4/2000 giữa ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị A.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị A phần đất diện tích 44,8m² loại đất LNK, nằm tại một phần thửa 452, tờ bản đồ số 7 thuộc Giấy chứng nhận số 000214 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/5/1997 cho hộ ông Đặng Văn T1. Có các cạnh như sau: Cạnh dài giáp Nguyễn Thị Út (thửa 450): 07m (tính từ lề lộ nông thôn vào 04m); cạnh ngang sau giáp Lê Thị T (thửa 452): 06m, cạnh dài giáp Lê Thị T (thửa 452): 7m (tính từ lề lộ nông thôn vào 02m); cạnh ngang trước giáp Lê Thị T (thửa 452): 7m. (Có lược đồ đo đạc ngày 07/7/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, tỉnh Hậu Giang kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện tháo dỡ phần mái che diện tích ngang 06m, dài 01m và di dời toàn bộ công trình vật kiến trúc có liên quan trên phần đất này trả lại đất cho các bị đơn Lê Thị T, Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và đo đạc, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2016, bị đơn bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lê Thị T trình bày: Về tờ giao kèo ngày 10/4/2000 là không có giá trị pháp lý vì chỉ lập bằng giấy tay; phần đất tranh chấp là cấp cho hộ nhưng chỉ có ông T1 và ông M ký tên là chưa đầy đủ; nội dung tờ giao kèo có sửa từ chữ “cho” thành chữ “sang”, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, bà Đ sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án là có cơ sở đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết Tòa án và đương sự đều tuân thủ quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo

của bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào năm 2000, bà A có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T1 một phần đất diện tích chiều ngang 06m, chiều dài 07m. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà A cất nhà ở, đến đầu năm 2014 bà A xây dựng lại nhà kiên cố thì bà T và các con ông T1 ngăn cản vì cho rằng phần đất này chỉ cho bà A ở nhờ, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2016 bị đơn bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng bị đơn Đặng Văn U, Đặng Văn Út N, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M và đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, xét đây là lần triệu tập thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng các đương sự vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lược đồ đo đạc thực tế ngày 19/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thì phần đất tranh chấp có diện tích 41,9m² (Trong đó có 40,9m² thuộc chỉ giới hành lang BVAT lộ Xi-măng) nằm tại một phần thửa 452, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000214 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đặng Văn T1. Bị đơn không thừa nhận ông T1 có chuyển nhượng đất cho bà A và cho rằng ông T không có ký tên vào tờ giao kèo chuyển nhượng đất ngày 10/4/2000. Xét tờ giao kèo lập ngày 10/4/2000 giữa ông T1 và bà A là chưa tuân thủ theo quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung của hợp đồng và nội dung của tờ giao kèo còn có sự chỉnh sửa chữ “cho” thành chữ “sang”. Bà A cho rằng lúc đầu hai bên thỏa thuận ông T1 cho bà A đối với phần đất trên nhưng do bà A có giao vàng cho ông T nên mới thỏa thuận lại là sang cho bà A, bà A còn cho rằng bà không biết ai sửa và việc sửa này là từ thời điểm sang đất (Bút lục 79). Để làm rõ vấn đề trên, Tòa án đã triệu tập ông Đặng Thành N là người viết tờ giao kèo, nhưng do ông N thường xuyên vắng mặt ở địa phương nên không thể ghi nhận ý kiến của ông N về

việc nội dung tờ giao kèo bị chỉnh sửa. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông Trần Văn T2 là Trưởng ấp lúc bấy giờ và ông Nguyễn Văn B là người trực tiếp xác nhận vào tờ giao kèo cũng đã xác định là sang. Đồng thời, tờ giao kèo lập ngày 10/4/2000 có chữ ký của bà A, ông T1 và ông M là con của ông T1, cùng hai người làm chứng và có xác nhận của chính quyền ấp. Từ đó có đủ cơ sở để xác định việc ông T1 chuyển nhượng phần đất diện tích chiều ngang 06m, chiều dài 07m cho bà A là sự thật.

[5] Việc chuyển nhượng đất diễn ra từ năm 2000, sau khi mua đất, bà A đã giao đủ vàng cho ông T1 và ông T1 cũng đã giao đất cho bà sử dụng từ năm 2000 cho đến nay và bà A đã xây dựng nhà và trực tiếp ở trên phần đất này. Trong khi đó gia đình bà T vẫn ở trên diện tích đất còn lại, liền kề với nhà bà A nhưng không có ý kiến hay tranh chấp gì. Từ đó cho thấy việc ông T1 chuyển nhượng phần đất này cho bà A cũng như việc bà A cất nhà ở trên phần đất này từ năm 2000 đến nay đã được sự đồng ý của bà T cùng các con của bà. Hơn nữa, bà T cũng thừa nhận là ông T1 và bà có nhận 03 chỉ vàng 24k từ bà A và tại phiên tòa hôm nay những người con của ông T1, bà T cũng thừa nhận là có biết việc ông T1, bà T nhận 03 chỉ vàng 24k từ bà A. Như vậy, có cơ sở xác định bà T cùng các con có biết việc chuyển nhượng đất giữa ông T1 và bà A và đã đồng ý nên việc bà T cùng các con của bà T cho rằng là chỉ cho bà A ở nhờ trên phần đất này nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[6] Phần đất tranh chấp là cấp cho hộ ông Đặng Văn T1, nhưng khi chuyển nhượng cho bà A chỉ có ông T1 và ông M ký tên vào tờ giao kèo. Mặc dù phần đất là cấp cho hộ nhưng xét thấy diện tích đất ông T1 chuyển nhượng cho bà A là nhỏ so với tổng diện tích hộ ông T1 được cấp, nên việc ông T1 tự định đoạt đối với diện tích đất chuyển nhượng cho bà A, bà T cùng các con biết việc chuyển nhượng đất này nhưng không ngăn cản. Bà A đã sử dụng phần đất này trong thời gian trên 15 năm và hiện nay ngoài phần đất này ra thì bà A không còn phần đất nào khác ở nên việc cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II của Nghị quyết 02/2004/NQ/HĐTP, ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và nhu cầu sử dụng đất của bà A chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, công nhận Hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 10/4/2000 là có cơ sở, phù hợp với nội dung Án lệ số 04/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2014, bà A yêu cầu phía bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, tức là chỉ yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích chiều ngang 06m, chiều dài 07m, nhưng cấp sơ thẩm lại công nhận cho bà A phần đất có diện tích là 44,8m² là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà A chỉ yêu cầu công nhận phần đất đúng theo diện tích trong tờ giao kèo là ngang 06m, dài 07m, do đó Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận cho

nguyên đơn phần diện tích theo đơn khởi kiện ngang 6m, dài 7m. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T và bà Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bà A sử dụng phần đất được công nhận phải chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến phần đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông diện tích 40,9m².

[8] Về phần nhà của bà A lấn sang phần đất của bà T, phần mái che phía trước ngang 6m, dài 1m và những công trình, vật kiến trúc khác không nằm trong phần đất nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố buộc tháo dỡ di dời. Tuy nhiên, bà A tự nguyện tháo dỡ phần mái hiên trả lại diện tích đất này cho gia đình bà T nên ghi nhận.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A không yêu cầu Tòa án xem xét việc mở lối đi từ phần đất và căn nhà của bà A qua bất động sản liền kề là phần đất còn lại của bà T để đi ra lộ xe. Do đó, khi nào phát sinh tranh chấp và bà A có yêu cầu sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Lê Thị T, Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M phải nộp số tiền 652.700 đồng. Về án phí dân sự phúc thẩm không đương sự nào phải chịu. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc ở cấp phúc thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị A phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 689 và Điều 697 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ.

Sửa bản án sơ thẩm số 156A/2016/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị A đối với các bị đơn Lê Thị T, Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M.

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/4/2000 giữa ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị A.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị A phần đất diện tích 41,9m² loại đất LNK, nằm tại một phần thửa 452, tờ bản đồ số 7 thuộc Giấy chứng nhận số 000214 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/5/1997 cho hộ ông Đặng Văn T1. Có các cạnh như sau: Cạnh dài giáp phần còn lại của bà T tiếp giáp

đất của Nguyễn Thị Út (thửa 450): 07m (tính từ lề lộ nông thôn vào 3,5m); cạnh dài giáp đất bà Lê Thị T (thửa 452): 7m (tính từ lề lộ nông thôn vào 1,58m); cạnh ngang sau giáp Lê Thị T (thửa 452): 06m; cạnh ngang trước giáp Lê Thị T (thửa 452): 06m (Có lược đồ đo đạc ngày 19/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang kèm theo).

Bà A sử dụng phần đất được công nhận phải chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến phần đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông diện tích 40,9m².

Ghi nhận sự tự nguyện tháo dỡ phần mái che diện tích ngang 06m, dài 01m và di dời toàn bộ công trình xây kiến trúc có liên quan trên phần đất này trả lại đất cho các bị đơn Lê Thị T, Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Lê Thị T, Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M phải nộp số tiền 652.700 đồng (Sáu trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm không đương sự nào phải chịu.

Nguyên đơn Nguyễn Thị A được nhận lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001577, ngày 06/4/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đ được nhận lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008763, ngày 08/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí thẩm định và đo đạc ở cấp sơ thẩm: Buộc các bị đơn Lê Thị T, Đặng Văn Út N, Đặng Văn U, Đặng Thị P, Đặng Thị Đ, Đặng Thị C, Đặng Văn M, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị M có trách nhiệm nộp trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị A số tiền 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Chi phí thẩm định và đo đạc quá trình xét xử phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 04/7/2017.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh